

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA LUẬT

HOÀNG KIM LIÊN

**QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN LUẬT
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số : 60 38 01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2011

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Nguyễn Minh Đoan

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2011.

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN LUẬT	7		
1.1. Khái niệm và đặc điểm quy trình xây dựng văn bản luật	7		
1.1.1. Khái niệm	7		
1.1.2. Đặc điểm của quy trình xây dựng văn bản luật	8		
1.1.3. Những nguyên tắc chính trị - pháp lý trong xây dựng và ban hành văn bản luật	10		
1.2. Nội dung của quy trình xây dựng văn bản luật	15		
1.2.1. Lập chương trình xây dựng luật	17		
1.2.2. Xây dựng dự thảo văn bản luật	19		
1.2.3. Thẩm tra, thẩm định dự án luật	22		
1.2.4. Thảo luận và thông qua văn bản luật ở kỳ họp của Quốc hội	26		
1.2.5. Công bố văn bản luật	27		
Chương 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	28		
2.1. Sáng kiến lập pháp	28		
2.1.1. Quy định của pháp luật hiện hành về việc lập dự kiến Chương trình xây dựng văn bản luật	28		
2.1.2. Thành tựu đã đạt được trong việc lập dự kiến Chương trình xây dựng văn bản luật	29		
2.1.3. Những hạn chế và bất cập trong việc lập dự kiến Chương trình xây dựng văn bản luật	32		
2.2. Xây dựng dự thảo văn bản luật	42		
2.2.1. Quy định của pháp luật hiện hành về xây dựng dự thảo văn bản luật	42		
2.2.2. Những thành tựu trong xây dựng dự thảo văn bản luật	45		
2.2.3. Những hạn chế, bất cập trong việc xây dựng dự thảo văn bản luật 46			
2.3. Hoạt động thẩm tra, thẩm định dự án luật	65		
2.3.1. Quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động thẩm tra, thẩm định dự án luật	65		
2.3.2. Những thành tựu trong hoạt động thẩm tra, thẩm định dự án luật	70		
2.3.3. Những hạn chế và bất cập trong hoạt động thẩm tra, thẩm định văn bản luật	74		
2.4. Thảo luận và thông qua văn bản luật ở kỳ họp của quốc hội	76		
2.4.1. Quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động thảo luận và thông qua dự án luật	76		
2.4.2. Những thành tựu trong việc thảo luận và thông qua văn bản luật ở kỳ họp của Quốc hội	81		
2.4.3. Những hạn chế và bất cập trong việc thảo luận và thông qua dự án luật tại kỳ họp của Quốc hội	82		
2.5. Công bố văn bản luật	85		
2.5.1. Quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động công bố văn bản luật	85		
2.5.2. Những thành tựu trong việc công bố văn bản luật	86		
2.5.3. Những hạn chế và bất cập trong việc công bố văn bản luật	87		
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	89		
3.1. Phương hướng hoàn thiện quy trình xây dựng văn bản luật ở việt nam hiện nay	89		
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quy trình xây dựng văn bản luật ở việt nam hiện nay	94		
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam hiện nay	94		
3.2.2. Nâng cao năng lực lập pháp của các cơ quan tham gia quy trình lập pháp	105		
3.2.3. Giải pháp về tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc hoạch định, đường lối chính sách xây dựng văn bản luật	114		
3.2.4. Giải pháp về tăng cường sự tham gia của các nhà khoa học, các tổ chức xã hội và nhân dân trong việc tham gia vào quy trình xây dựng văn bản luật	117		
3.2.5. Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật trong việc xây dựng văn bản luật	119		
3.2.6. Tăng cường hợp tác quốc tế, học hỏi kinh nghiệm của nước ngoài về quy trình xây dựng văn bản luật	120		
3.2.7. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện những quy định pháp luật về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật	121		

3.2.8.	Xử lý kịp thời, nghiêm minh những vi phạm pháp luật về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật	122
	KẾT LUẬN	124
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	125

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng đã được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX và XI. Trên cơ sở các quan điểm được ghi nhận trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và VIII, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã đề ra mục tiêu chiến lược cho việc phát triển đất nước những năm tới mà trọng tâm là phần đầu đưa nước ta đến năm 2020 về cơ bản trở thành một nước công nghiệp hiện đại.

Công cuộc mở cửa, hội nhập và đổi mới đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đang đặt ra cho Nhà nước ta một nhiệm vụ to lớn, rất nặng nề và khó khăn là phải nhanh chóng ban hành kịp thời nhiều văn bản quy phạm pháp luật để sớm có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ.

Trong Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị Khóa IX đã nêu rõ: "Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất... phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, góp phần đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020".

Để đạt được mục đích này, Bộ Chính trị cũng đã đề ra các giải pháp xây dựng pháp luật trong đó có giải pháp "Đổi mới cơ bản quy trình, thủ tục xây dựng pháp luật từ sáng kiến pháp luật đến thông qua luật nhằm đẩy nhanh quá trình soạn thảo, ban hành luật".

Đồng thời, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng được đề ra như một nhiệm vụ chiến lược với phương châm "Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật".

Thực hiện chủ trương này, trong những năm vừa qua, các cơ quan nhà nước đã từng bước đổi mới tổ chức, hoạt động và dần dần hoàn thiện hệ thống pháp luật phục vụ cho công cuộc đổi mới cũng như xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Một trong những hoạt động góp phần quan trọng cho công cuộc này chính là hoạt động xây dựng văn bản luật của Quốc hội Việt Nam.

Tuy nhiên quy trình lập pháp ở Việt Nam hiện nay còn nhiều hạn chế dẫn đến chất lượng luật chưa cao như còn nhiều luật khung, luật ống và luật xa rời thực tiễn khó áp dụng trong đời sống.

Nhằm tìm hiểu và đóng góp ý kiến của mình vào quy trình xây dựng văn bản luật ở Việt Nam hiện nay, tôi mạnh dạn chọn đề tài: "**Quy trình xây dựng văn bản luật ở Việt Nam hiện nay**" làm đề tài luận văn thạc sĩ cho mình với mong muốn có những đóng góp nhỏ bé về mặt lý luận cũng như thực tiễn hoàn thiện quy trình này ở Việt Nam hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hoạt động xây dựng và ban hành văn bản luật đã được một số tác giả đề cập, song cho đến nay chưa có tác giả và tác phẩm nào luận giải khoa học một cách toàn diện về hoạt động này. Ngoài ra còn có một số công trình nghiên cứu khác như một số bài viết đăng trên các tạp chí như:

- Thạc sĩ Đoàn Thị Tố Uyên: "*Hoạt động lập pháp của Quốc hội trong 20 năm đổi mới*", Tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, đề cập tới những thành tựu, hạn chế về hoạt động lập pháp của Quốc hội trong 20 năm đổi mới và đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường năng lực lập pháp của Quốc hội trong thời gian tới;

- Thạc sĩ Hoàng Minh Hà: "*Cần khắc phục hạn chế trong công tác xây dựng pháp luật như thế nào*", Tạp chí Luật học, số 3, năm 2003, nêu một số hạn chế trong công tác xây dựng pháp luật và đưa ra phương hướng, giải pháp khắc phục hạn chế đó;

- Tiến sĩ Nguyễn Minh Đoan: "*Pháp luật Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hóa*", Tạp chí Luật học, số 1/2004, đề cập tới quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế thế giới đòi hỏi pháp luật Việt Nam cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng phù hợp, tránh những xung đột với pháp luật các nước;

- PGS.TS Trần Ngọc Đường: "*Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Tổ chức thực hiện pháp luật nhiệm vụ trọng tâm xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân*", Tạp chí Nhà nước và pháp luật, tháng 7/2007, đề cập tới tính tất yếu khách quan, phương hướng xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật ở nước ta hiện nay;

- Tiến sĩ Bùi Ngọc Thanh: "*Mấy vấn đề về công tác xây dựng pháp luật của đại biểu Quốc hội*", Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 9, tháng 9/2007, nghiên cứu nhiệm vụ hàng đầu của Quốc hội và đại biểu Quốc hội là xây dựng pháp luật;

- Tiến sĩ Nguyễn Sỹ Dũng: "*Hộ chiếu và hoạt động của Quốc hội một số nước trên thế giới trong đó nhóm đề tài đã dành một phần để nghiên cứu về quy trình lập pháp của Quốc hội một số nước trên thế giới*" hoặc "*Thư bàn về việc đổi mới hoạt động lập pháp*", Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 3, năm 2007, đề cập tới những hạn chế của hoạt động lập pháp từ đó khiến pháp luật chậm đi vào thực tiễn, phân tích việc pháp luật ban hành phải tập trung vào những vấn đề nóng bỏng nhất của cuộc sống.

- Tiến sĩ Nguyễn Quốc Hoàn: "*Pháp luật điều chỉnh hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta*", Hội thảo khoa học Nhà nước và pháp luật 20 năm đổi mới năm 2006, đánh giá một cách tổng quát hệ thống các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng như những vấn đề đặt ra đối với pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong thời gian tới;

- Tác giả Nguyễn Chi Mai "*Bàn về tính hợp lý của văn bản quy phạm pháp luật*", Hội thảo khoa học: *Tính hợp lý của văn bản quy phạm pháp luật*, Trường Đại học Luật Hà Nội, đánh giá, phân tích thực văn bản quy phạm pháp luật hiện nay chậm đi vào thực tiễn, còn nhiều luật khung, luật óng.

Và nhiều các công trình khoa học khác nữa nghiên cứu ở những phương diện và cấp độ khác nhau về hoạt động xây dựng pháp luật nói chung, tuy vậy, chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu chuyên sâu về quy trình xây dựng văn bản luật ở Việt Nam. Do vậy, quy trình xây dựng văn bản luật ở Việt Nam hiện nay vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện.

3. Mục đích và phạm vi nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn của quy trình xây dựng văn bản luật; thực trạng xây dựng văn bản luật ở Việt Nam hiện nay và đề xuất những biện pháp góp phần hoàn thiện quy trình xây dựng luật của Quốc hội Việt Nam. Để thực hiện mục đích đó, luận văn đề cập tới các nội dung cơ bản sau đây:

- Những vấn đề lý luận cơ bản về quy trình xây dựng văn bản luật như: Lập chương trình xây dựng luật, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, thảo luận và thông qua văn bản luật.

- Đánh giá thực trạng xây dựng và ban hành văn bản luật của Quốc hội hiện nay, nêu những nguyên nhân chủ quan và khách quan của thực trạng này.

- Đề xuất các kiến nghị về hoàn thiện những quy định pháp luật, các biện pháp tổ chức thực hiện những quy định pháp luật đó, mặt khác là những biện pháp nhằm nâng cao năng lực lập pháp của Quốc hội.

Tuy nhiên, văn bản luật gồm có Hiến pháp, Bộ luật, Luật và Nghị quyết của Quốc hội có chứa quy phạm pháp luật và đối với mỗi loại văn bản trên cũng có những quy trình xây dựng và ban hành khác nhau. Do điều kiện về thời gian và trong khuôn khổ một luận văn thạc sĩ nên chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu, phân tích, đánh giá sâu thực trạng của quy trình xây dựng Bộ luật và Luật.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; các tư tưởng, quan điểm mang tính nguyên tắc của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong thời kỳ hiện đại hóa, công nghiệp hóa, đề tài tập trung nghiên cứu, phân tích các quan điểm khoa học có liên quan để giải quyết một số vấn đề lý luận cơ bản về quy trình xây dựng văn bản luật.

Ngoài ra, trong luận văn còn sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh... để nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành, thực tiễn áp dụng pháp luật và đưa ra một số giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện quy trình lập pháp của Quốc hội trong thời gian tới, nâng cao một bước hiệu lực, hiệu quả của pháp luật trong thực tiễn.

5. Ý khoa học và thực tiễn của đề tài

Những kết quả nghiên cứu Luận văn này có giá trị tham khảo đối với việc xây dựng và ban hành văn bản luật của Quốc hội Việt Nam, cũng như trong việc nghiên cứu và giảng dạy pháp luật ở nước ta hiện nay.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về quy trình xây dựng văn bản luật.

Chương 2: Thực trạng quy trình xây dựng văn bản luật ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình xây dựng văn bản luật ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN LUẬT

1.1. Khái niệm và đặc điểm quy trình xây dựng văn bản luật

1.1.1. Khái niệm

+ Văn bản luật là văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành. Các văn bản này có hiệu lực pháp lý cao nhất, các văn bản dưới luật khi ban hành đều phải dựa trên cơ sở của văn bản luật. Văn bản luật bao gồm Hiến pháp, Luật, Bộ luật và Nghị quyết có chứa đựng các quy phạm pháp luật.

+ Quy trình xây dựng văn bản luật là cách thức, trình tự xây dựng, ban hành văn bản luật. Đây là hoạt động khá phức tạp bao gồm phạm vi các hành vi kế tiếp nhau, có quan hệ chặt chẽ với nhau, do nhiều chủ thể có vị trí, chức năng, quyền hạn khác nhau tiến hành nhằm chuyển hóa ý chí của giai cấp cầm quyền thành những quy tắc pháp lý, thể hiện chúng dưới những hình thức pháp luật.

1.1.2. Đặc điểm của quy trình xây dựng văn bản luật

Thứ nhất, quy trình xây dựng văn bản luật do pháp luật quy định.

Thứ hai, quy trình xây dựng văn bản luật được tiến hành theo những trình tự, thủ tục chặt chẽ và phức tạp.

Thứ ba, quy trình xây dựng văn bản luật có sự tham gia của nhiều tổ chức và cá nhân.

Ngoài ra, quy trình xây dựng văn bản luật còn là quy trình cần có sự đầu tư về tài chính, cơ sở vật chất rất lớn.

1.1.3. Những nguyên tắc chính trị - pháp lý trong xây dựng và ban hành văn bản luật

- a. Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- b. Nguyên tắc dân chủ;
- c. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa;
- d. Nguyên tắc khoa học;
- đ. Nguyên tắc bảo đảm tính khả thi;
- e. Nguyên tắc bảo đảm sự hài hòa về mặt lợi ích của các tầng lớp trong xã hội;

Ngoài ra, văn bản luật phải có nội dung tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết.

1.2. Nội dung của quy trình xây dựng văn bản luật

1.2.1. Lập chương trình xây dựng luật

a. Lập chương trình xây dựng luật

+ Chương trình xây dựng luật là một bộ phận quan trọng của công tác lập kế hoạch nhà nước. Kế hoạch hàng năm trình ra Quốc hội, Chính phủ phải có phần về xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của công dân.

+ Thông thường chương trình xây dựng luật của Quốc hội gồm các bước sau: Lập chương trình, thông qua chương trình, điều chỉnh chương trình và bảo đảm thực hiện chương trình.

b. Thành lập Ban soạn thảo dự án luật

+ Tùy theo tính chất, nội dung, đối tượng, phạm vi điều chỉnh của từng dự án, dự thảo mà thành lập Ban soạn thảo.

+ Thành phần của Ban soạn thảo bao gồm đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức trình dự án, dự thảo.

+ Ban soạn thảo chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng của dự thảo, hoàn thành dự thảo theo kế hoạch.

1.2.2. Xây dựng dự thảo văn bản luật

Các công việc trong việc soạn thảo dự án luật, trong việc soạn thảo dự án luật Ban soạn thảo tiến hành các công việc sau:

a. Tổng kết tình hình thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến dự án; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự án.

b. Tổ chức nghiên cứu tư liệu, thông tin liên có quan đến dự án.

c. Chuẩn bị đề cương, biên soạn và chỉnh lý dự án, dự thảo.

d. Tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan và các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản trong phạm vi và với hình thức thích hợp tùy theo tính chất và nội dung của từng dự án, dự thảo.

đ. Ban soạn thảo phải chuẩn bị tờ trình và các tài liệu liên quan đến dự án, dự thảo văn bản.

e. Phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan chuẩn bị dự thảo các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

1.2.3. Thẩm tra, thẩm định dự án luật

+ Thẩm tra, thẩm định dự thảo văn bản là việc cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước xem xét toàn diện dự thảo trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản.

+ Ý nghĩa của thẩm tra và thẩm định dự: định hướng, chỉ dẫn và cung cấp các thông tin cần thiết cho chủ thể ban hành dự thảo; làm giảm bớt sự căng thẳng giữa các ý kiến khác nhau của các cơ quan khi giải quyết những vấn đề có tính chất liên ngành bằng cách cung cấp những thông tin cần thiết và thiết kế lại một hoặc nhiều vấn đề còn có ý kiến khác nhau, đồng thời có thể giảm bớt chi phí về thời gian và vật chất cho việc soạn thảo và hướng dẫn thi hành các văn bản khi được thông qua và có hiệu lực.

+ Thẩm quyền, thời hạn, thủ tục, phương thức thẩm tra, thẩm định được quy định cụ thể trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành nên những chủ thể có liên quan cần nắm bắt để tuân thủ trong quá trình xây dựng pháp luật.

+ Kết thúc hoạt động thẩm tra, thẩm định, chủ thể tiến hành phải có báo cáo thẩm tra, thẩm định gửi cơ quan ban hành văn bản luật.

1.2.4. Thảo luận và thông qua văn bản luật ở kỳ họp của Quốc hội

+ Thông qua văn bản luật là hoạt động của cơ quan có thẩm quyền trong việc xem xét và chấp nhận toàn bộ dự thảo để ban hành văn bản luật.

+ Việc xem xét dự án luật tại một hoặc nhiều kỳ họp của Quốc hội.

1.2.5. Công bố văn bản luật

+ Văn bản luật của Quốc hội được Chủ tịch nước ban hành Lệnh công bố.

+ Văn bản luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, lưu giữ trên mạng tin học điện rộng.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Sáng kiến lập pháp

2.1.1. Quy định của pháp luật hiện hành về việc lập dự kiến Chương trình xây dựng văn bản luật

Quy định tại Điều 22 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.1.2. Thành tựu đã đạt được trong việc lập dự kiến Chương trình xây dựng văn bản luật

+ Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh cả nhiệm kỳ Quốc hội khóa X có 127 dự thảo được đưa ra bao gồm 75 dự thảo luật, 52 dự thảo pháp lệnh. Trong đó chương trình chính thức gồm 104 dự thảo (52 dự thảo luật, 52 dự thảo pháp lệnh); chương trình chuẩn bị gồm 23 dự thảo. Cho đến năm 2001, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua được 1 Bộ luật, 31 luật, 39 pháp lệnh.

+ Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XI gồm 137 dự án, trong đó có 66 dự án luật, nghị quyết của Quốc hội và 52 dự án pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc Chương trình chính thức; 19 dự án luật thuộc Chương trình chuẩn bị. Trong nhiệm kỳ, Quốc hội đã 6 lần điều chỉnh Chương trình, bổ sung 45 dự án luật, pháp lệnh và nghị quyết, trong đó có 12 dự án pháp lệnh được nâng lên thành luật. Như vậy, tổng số dự án thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XI là 170 dự án, gồm 118 dự án luật và nghị quyết của Quốc hội, 52 dự án pháp lệnh và nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Kết quả Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua được 135 dự án, gồm 84 luật, 35 pháp lệnh, 16 nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật.

+ Theo Tờ trình số 71/TTr-UBTVQH 12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII ngày 12 tháng 11 năm 2007 về Dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007- 2011). Kết quả Quốc hội khóa XII đã thông qua được 64 luật.

2.1.3. Những hạn chế và bất cập trong việc lập dự kiến Chương trình xây dựng văn bản luật

+ Chương trình xây dựng pháp luật hàng năm thường thiếu tính khả thi, chưa tính hết khả năng thực tế, các điều kiện cần thiết bảo đảm cho việc thực hiện chương trình.

+ Việc lập dự kiến chương trình xây dựng luật trên cơ sở đề xuất của các chủ thể còn mang tính chủ quan, cảm tính nên tính dự báo của bản thân các đề nghị xây dựng luật không cao.

+ Chương trình xây dựng luật chưa đảm bảo được tính thống nhất, tính cân đối của cả hệ thống pháp luật trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng.

Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc chương trình xây dựng luật hiện nay chưa có tính ổn định cao là do:

+ Pháp luật hiện hành mới chỉ chú trọng đến quy trình đề nghị xây dựng luật của Chính phủ mà chưa quan tâm đúng mức đến quy trình đề nghị xây dựng pháp luật của các cá nhân, tổ chức khác.

+ Mặc dù yêu cầu thuyết minh về sự cần thiết xây dựng văn bản và một số nội dung khác đã được quy định trong luật, nhưng những tiêu chí cụ thể của những nội dung đó lại chưa được quy định.

Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc chương trình xây dựng luật hiện nay chưa đảm bảo tính khả thi là do:

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm sáng kiến lập pháp chưa thấy hết được trách nhiệm của mình trong hoạt động này;

+ Thiếu việc phân tích chính sách trước khi lập chương trình xây dựng luật.

+ Quy trình lập dự kiến chương trình xây dựng luật chưa đảm bảo được sự minh bạch, công khai.

+ Chưa thu hút được sự tham gia, đóng góp ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học, của công chúng và báo chí.

+ Pháp luật hiện hành chưa quy định những điều kiện vật chất đảm bảo cho việc lập dự kiến chương trình xây dựng luật.

2.2. Xây dựng dự thảo văn bản luật

2.2.1. Quy định của pháp luật hiện hành về xây dựng dự thảo văn bản luật

+ Quy định tại các Điều từ 30 đến 40 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.2.2. Những thành tựu trong xây dựng dự thảo văn bản luật

+ Đã hình thành một quy trình khá đồng bộ từ khâu thành lập Ban soạn thảo, tổ chức lấy ý kiến đóng góp, biên soạn, chỉnh lý cho đến trình lên cấp trên có thẩm quyền ban hành văn bản.

+ Các cơ quan trình dự thảo thành lập Ban soạn thảo theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Trình độ, năng lực chuyên môn của chuyên gia là tiêu chí để lựa chọn thành viên vào Ban soạn thảo.

+ Duy trì tính liên ngành trong Ban soạn thảo được coi trọng.

2.2.3. Những hạn chế, bất cập trong việc xây dựng dự thảo văn bản luật

+ Quá trình chuẩn bị một dự án, dự thảo văn bản luật thường bị kéo dài về mặt thời gian.

+ Một số dự án, dự thảo chất lượng còn thấp, chưa dự liệu được đầy đủ các khả năng tác động của văn bản dẫn đến phải thường xuyên sửa đổi, bổ sung.

+ Việc soạn thảo dự án luật chưa khoa học, hoạt động của Ban soạn thảo mang tính hình thức và kém hiệu quả.

+ Kỹ thuật lập pháp vẫn còn hạn chế.

Nguyên nhân tồn tại những hạn chế:

+ Đơn vị chủ trì soạn thảo chưa thật sự chú trọng khâu hoạch định chính sách, thiếu sự tham gia của các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực mà văn bản điều chỉnh;

+ Chưa có sự phối hợp và phân công, rành mạch, hợp lý giữa các cơ quan trong quá trình soạn thảo.

+ Còn thiếu các quy định bảo đảm việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật phải dựa trên những nghiên cứu, đánh giá khoa học.

+ Quy trình soạn thảo văn bản luật chưa thực sự phát huy được sự tham gia của các tổ chức, cá nhân liên quan.

+ Thiếu đội ngũ chuyên viên làm công tác soạn thảo văn bản trong khi số lượng văn bản phải ban hành ngày càng nhiều. Ngoài ra, trình độ, năng lực của chuyên viên được giao soạn thảo văn bản cũng còn hạn chế.

+ Chưa có cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa luật với việc soạn thảo các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành;

+ Chất lượng của các dự án luật chưa đạt là do "chạy theo tốc độ", do "vừa thiết kế, vừa thi công".

+ Thiếu kinh phí, cơ sở vật chất.

2.3. Hoạt động thẩm tra, thẩm định dự án luật

2.3.1. Quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động thẩm tra, thẩm định dự án luật

+ Quy định tại Điều 41 đến Điều 47 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.3.2. Những thành tựu trong hoạt động thẩm tra, thẩm định dự án luật

+ Quốc hội khóa IX đã thông qua 41 Luật thì Ủy ban Pháp luật của Quốc hội chủ trì thẩm tra 18 Luật chiếm 43% số luật được thông qua. Quốc

hội khóa XII đã thông qua 64 Luật thì Ủy ban Pháp luật của Quốc hội chủ trì thẩm tra hầu hết dự án luật trên.

+ Về hoạt động thẩm định văn bản luật thuộc Bộ Tư pháp. Từ năm 1997 đến nay, Bộ Tư pháp đã thẩm định khá nhiều dự thảo văn bản luật. Năm 1998 Bộ Tư pháp đã thẩm định được 10 dự thảo luật; Năm 1999 thẩm định được 3 dự thảo luật; Năm 2000 là 4 dự thảo; Năm 2001 là 8 dự thảo luật...

2.3.3. Những hạn chế và bất cập trong hoạt động thẩm tra, thẩm định văn bản luật

Về công tác thẩm tra:

+ Việc tham gia của Ủy ban Pháp luật, nhất là ở giai đoạn thẩm tra sơ bộ chưa được thường xuyên, chưa tập trung được trí tuệ của tập thể Ủy ban Pháp luật.

+ Ý kiến thẩm tra của Ủy ban Pháp luật đối với các dự án luật chưa được thể hiện một cách chính thức bằng văn bản.

+ Do phải cùng một lúc đảm nhận nhiều trọng trách khác nhau nên sự đầu tư thực hiện công tác này còn rất nhiều hạn chế.

Về công việc thẩm định:

+ Chất lượng của các Báo cáo thẩm tra chưa cao;

+ Các ủy viên thẩm tra hoạt động kiêm nhiệm nên chưa giành nhiều thời gian cho hoạt động này làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

Nguyên nhân của sự hạn chế trên cụ thể là:

+ Ủy ban Pháp luật "quá tải" về chức năng, nhiệm vụ;

+ Phương thức Ủy ban Pháp luật sử dụng còn thiếu hiệu lực và hiệu quả.

+ Quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành không thể hiện được vai trò chủ đạo của Ủy ban Pháp luật.

+ Năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ thẩm tra, thẩm định còn nhiều hạn chế.

+ Quy trình phối hợp giữa cơ quan chủ trì soạn thảo với cơ quan thẩm định và các Bộ, ngành còn chưa hiệu quả.

2.4. Thảo luận và thông qua văn bản luật ở kỳ họp của Quốc hội

2.4.1. Quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động thảo luận và thông qua dự án luật

Trình tự xem xét, thông qua dự án luật của Quốc hội được quy định tại các Điều 51, 52 và 53 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.4.2. Những thành tựu trong việc thảo luận và thông qua văn bản luật ở kỳ họp của Quốc hội

+ Trong các kỳ họp của Quốc hội, phần lớn đã giành thời gian cho việc thảo luận và đi đến thống nhất các dự thảo luật.

+ Các đại biểu Quốc hội ngày càng am hiểu về pháp luật nên đã tranh luận, phân tích những điểm tiến bộ, hợp lý, thống nhất của dự thảo... nên thông qua một văn bản luật nào đó rất nhanh.

+ Phạm vi điều chỉnh của các dự án Luật mà Quốc hội thông qua rất rộng, trên khắp các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2.4.3. Những hạn chế và bất cập trong việc thảo luận và thông qua dự án luật tại kỳ họp của Quốc hội

+ Việc thông qua văn bản luật vẫn còn nặng về hình thức và mất nhiều thời gian.

+ Tại kỳ họp của Quốc hội còn chú trọng thảo luận và thông qua Pháp lệnh hơn là việc thảo luận và thông qua các dự án luật.

+ Sự phối hợp giữa các cơ quan trong việc trình dự án luật, thẩm định, thẩm tra dự án luật chưa chặt chẽ, mất nhiều thời gian, từ đó ảnh hưởng tới thời gian lấy ý kiến từ phía đại biểu Quốc hội.

+ Luật được thông qua nhưng chất lượng không cao, vừa tốn kém, vừa mất thời gian.

Nguyên nhân của sự hạn chế, bất cập trên:

+ Do yêu cầu quản lý xã hội bằng pháp luật, cuộc sống đòi hỏi cần nhiều luật để điều chỉnh kịp thời các quan hệ xã hội.

+ Việc tổ chức soạn thảo dự án luật không đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng đặt ra;

+ Kỹ thuật lập pháp của Quốc hội còn nhiều hạn chế.

+ Lực lượng giúp việc cho Quốc hội thực hiện hoạt động lập pháp còn yếu và thiếu.

+ Nghệ thuật điều khiển các phiên họp của Quốc hội khi xem xét, thông qua dự án luật cũng chưa đạt.

+ Việc gửi dự án luật đến đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và các Ủy ban giúp việc cho Quốc hội còn chậm trễ, gây khó khăn cho việc nghiên cứu, đánh giá, lấy ý kiến để xử lý những điều khoản chưa hợp lý...

2.5. Công bố văn bản luật

2.5.1. Quy định của pháp luật hiện hành trong hoạt động công bố văn bản luật

Quy định Điều 57, Điều 78 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.5.2. Những thành tựu trong việc công bố văn bản luật

+ Việc công khai, minh bạch từ khâu soạn thảo cho đến khâu ban hành được thực hiện tốt.

+ Việc đăng Công báo các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương được thực hiện tốt.

2.5.3. Những hạn chế và bất cập trong việc công bố văn bản luật

+ Trên thực tế vẫn còn số lượng lớn các văn bản luật đã được ban hành, có hiệu lực nhưng chưa được đăng Công báo.

+ Nguyên nhân cơ bản của sự hạn chế trên là do đội ngũ chuyên viên phát hành Công báo quá mỏng; Việc in Công báo hiện nay cũng chỉ in ở Hà Nội sau đó được phát hành đi các tỉnh.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Phương hướng hoàn thiện quy trình xây dựng văn bản luật ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất: Cần phải hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam hiện nay;

Thứ hai: Phải nâng cao năng lực lập pháp của các cơ quan tham gia quy trình lập pháp;

Thứ ba: Cần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc hoạch định, đường lối chính sách xây dựng văn bản luật;

Thứ tư: Phải tăng cường sự tham gia của các nhà khoa học, các tổ chức xã hội và nhân dân trong việc tham gia vào quy trình xây dựng văn bản luật;

Thứ năm: Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật trong việc xây dựng văn bản luật;

Thứ sáu: Tăng cường hợp tác quốc tế, học hỏi kinh nghiệm của nước ngoài về quy trình xây dựng văn bản luật;

Thứ bảy: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện những quy định pháp luật về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thứ tám: Xử lý kịp thời, nghiêm minh những vi phạm pháp luật về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quy trình xây dựng văn bản luật ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam hiện nay

a. Về việc lập chương trình xây dựng luật

+ Thường xuyên tiến hành có hiệu quả công tác rà soát, hệ thống hóa pháp luật hiện hành, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình.

+ Cần xác định rõ định hướng trong việc lập chương trình xây dựng văn bản luật.

+ Phải xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc lập và thực hiện chương trình.

+ Phải tập trung vào chương trình xây dựng luật, hạn chế chương trình xây dựng pháp lệnh.

+ Phải đảm bảo tính công khai và minh bạch nhằm thu hút trí tuệ tập thể của mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội vào quá trình sáng kiến lập pháp.

+ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng cần quy định rõ cơ chế tiếp thu kiến nghị xây dựng luật của các tổ chức, cá nhân.

b. Về hoạt động soạn thảo văn bản luật

+ Cần chú trọng đúng mức việc thành lập Ban soạn thảo.

+ Cần đặc biệt chú ý quán triệt đầy đủ các quan điểm cơ bản của Đảng có liên quan đến nội dung dự thảo.

+ Tăng cường hoạt động khảo sát thực tế để nắm bắt toàn diện đánh giá đúng thực trạng các quan hệ xã hội là cơ sở để hình thành nội dung dự thảo văn bản luật;

+ Phải nghiên cứu toàn diện pháp luật hiện hành quy định về lĩnh vực thuộc nội dung dự thảo.

+ Luôn luôn bảo đảm tính liên ngành, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan nhà nước trong quá trình soạn thảo văn bản luật.

+ Cần có quy định cụ thể về phạm vi, nội dung, hình thức, cơ chế tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học vào hoạt động lập pháp và về việc sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào quy trình soạn thảo luật.

+ Ban soạn thảo cần chuẩn bị tốt các dự thảo văn bản hướng dẫn hoặc quy định chi tiết thi hành cùng thời gian soạn thảo văn bản luật.

+ Cần chuẩn bị tốt các yêu cầu về kinh phí, trang thiết bị cơ sở vật chất cần thiết cho hoạt động soạn thảo văn bản luật.

c. Về hoạt động thẩm tra, thẩm định văn bản luật

+ Tiếp tục nâng cao hơn nữa vai trò của Ủy ban Pháp luật trong việc bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật đối với các dự án luật trước khi trình Quốc hội thông qua.

+ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi bổ sung về phương thức của Ủy ban Pháp luật theo hướng Ủy ban Pháp luật phải chủ động tiến hành hoạt động xem xét, đánh giá về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật đối với các dự án luật.

+ Nâng cao nhận thức của các chủ thể chủ trì xây dựng và ban hành văn bản luật về ý nghĩa, vai trò của công tác thẩm định, thẩm tra.

+ Tăng cường năng lực của Văn phòng Quốc hội, đặc biệt là các bộ phận giúp việc Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội trong việc thẩm tra các dự thảo luật.

+ Phải chuẩn hóa các nội dung thẩm tra, thẩm định như phạm vi, đối tượng, giá trị pháp lý, hiệu lực của thẩm định, thẩm tra.

+ Cần nâng cao chất lượng của cán bộ, công chức làm công tác thẩm tra, thẩm định.

+ Cần quy định rõ hậu quả pháp lý và cách thức, trình tự xử lý trong trường hợp Ủy ban Pháp luật cho rằng một điều khoản hay một văn bản không đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp hoặc mâu thuẫn chồng chéo.

+ Về lâu dài, Quốc hội nên ban hành Luật Thẩm định, thẩm tra các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

d. Về hoạt động lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo văn bản luật

+ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cần quy định cụ thể hơn về cơ chế tổ chức lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo văn bản như thời gian, phương thức tổ chức, nội dung lấy ý kiến đóng góp...

+ Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong quá trình lấy ý kiến.

+ Cần lựa chọn những nội dung còn đang vướng mắc, chưa rõ, những vấn đề cần thảo luận, những vấn đề liên quan đến quyền lợi của cá nhân, tổ chức, cũng như nghĩa vụ của họ để tổ chức lấy ý kiến.

+ Cải tiến phương thức lấy ý kiến về dự thảo văn bản luật.

+ Quy trình lấy ý kiến nhân dân nên được nghiên cứu, tránh nhầm lẫn với trưng cầu ý dân theo kinh nghiệm của nước ngoài.

+ Tăng cường hiệu quả của việc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp thông qua việc nâng cao trách nhiệm của các cơ quan trong công tác này.

+ Tăng nguồn kinh phí để bảo đảm có đủ điều kiện tổ chức lấy ý kiến.

đ. Về hoạt động thông qua văn bản luật

+ Tăng cường số lượng cũng như thời gian các kỳ họp của Quốc hội.

+ Cần đưa vào chương trình kỳ họp của Quốc hội dự thảo luật nào đã được chuẩn bị tốt về nội dung.

+ Cần nâng cao chất lượng công tác thư ký kỳ họp, tập họp đầy đủ, tổng kết ý kiến phát biểu của các Đại biểu Quốc hội về các dự thảo luật và làm tốt công tác thông tin, tư liệu phục vụ các đại biểu Quốc hội.

+ Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan thẩm tra, cơ quan soạn thảo trong việc tiếp thu ý kiến để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo.

e. Về công bố văn bản luật

+ Quốc hội cần sớm ban hành Luật về Đăng Công báo, đảm bảo tất cả các văn bản luật được công bố trên hệ thống thông tin pháp luật một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác.

3.2.2. Nâng cao năng lực lập pháp của các cơ quan tham gia quy trình lập pháp

a. Tiếp tục đổi mới quy trình lập pháp nhằm nâng cao chất lượng văn bản và đẩy nhanh quá trình soạn thảo văn bản.

+ Cần quan tâm đến khâu khảo sát thực tế, thu thập thông tin chính xác, khách quan để phản ánh vào trong luật.

+ Quốc hội nên sớm áp dụng cơ chế Luật sửa nhiều luật để rút ngắn thời gian và bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ cho hệ thống pháp luật;

+ Quốc hội cần quy định chi tiết trong luật những lĩnh vực đã ổn định và quan trọng; hạn chế tình trạng ủy quyền cho Chính phủ quy định chi tiết những quan hệ xã hội còn biến động và những chính sách chưa ổn định;

+ Cần sớm xây dựng quy trình nội luật hóa các điều ước quốc tế mà nước ta đã ký kết gia nhập.

b. Nâng cao năng lực của các chủ thể tham gia vào hoạt động xây dựng văn bản luật.

+ Cần nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào hoạt động soạn thảo luật.

+ Phải đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực nghiên cứu, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra;

+ Cần phải có cơ chế phân công công việc từ các Ủy ban cho một thành viên Ủy ban làm báo cáo viên như thông lệ của nhiều nước trên thế giới.

+ Cần phải có một đội ngũ cán bộ giỏi trong nghiên cứu chính sách pháp luật, đưa ra những quy phạm pháp luật phù hợp có tính khả thi.

+ Phải nâng cao năng lực thẩm tra dự án luật cho các thành viên của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.

+ Nâng cao trách nhiệm của thành viên Chính phủ trong việc soạn thảo dự án luật trong phiên họp của Chính phủ.

c. Nâng cao năng lực và trình độ làm luật của Quốc hội nói chung, đại biểu Quốc hội nói riêng.

+ Tăng thêm số lượng các đại biểu chuyên trách, tạo lập cơ chế khuyến khích các đại biểu Quốc hội thực hiện quyền sáng kiến lập pháp.

+ Tăng cường số lượng chuyên viên giúp việc cho Quốc hội tại các Vụ của các Ủy ban và Ban công tác lập pháp nhằm nâng cao chất lượng của văn bản luật;

+ Đề cao trách nhiệm của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội trong việc chuẩn bị, thẩm tra dự án luật.

+ Đẩy mạnh hoạt động giải thích luật, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Không ngừng nâng cao kiến thức pháp lý và kỹ năng lập pháp của đại biểu Quốc hội;

d. Tăng cường trách nhiệm của Chính phủ và các Bộ trong hoạt động xây dựng pháp luật với tư cách là cơ quan trình dự án luật.

+ Các bộ, ngành cần tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết quá trình xây dựng luật trong những nhiệm kỳ Quốc hội trước để phục vụ cho quá trình soạn thảo dự án luật.

+ Việc nghiên cứu, đánh giá hiệu quả điều chỉnh pháp luật phải được tiến hành nghiêm túc trước khi luật được đưa vào dự kiến chương trình xây dựng luật, khắc phục tình trạng thiếu tính khả thi của văn bản được dự kiến xây dựng.

+ Nên hình thành Chiến lược xây dựng pháp luật của bộ, ngành.

+ Kiện toàn tổ chức giúp việc cho Chính phủ và các Bộ trong việc soạn thảo các dự án luật.

+ Chương trình xây dựng luật hàng năm của Chính phủ trình Quốc hội phải thật sự khoa học, có trọng điểm và có tính khả thi cao.

+ Có cơ chế chính sách thu hút các hiệp hội, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các chuyên gia vào việc nghiên cứu soạn thảo, thẩm định, thẩm tra các dự án luật. Xây dựng cơ chế phản biện xã hội đối với các dự án luật.

3.2.3. Giải pháp về tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc hoạch định, đường lối chính sách xây dựng văn bản luật

+ Xác định các lĩnh vực trọng điểm cần ưu tiên đầu tư để xây dựng và hoàn thiện pháp luật.

+ Đổi mới cơ bản quy trình, thủ tục xây dựng pháp luật từ sáng kiến pháp luật đến thông qua luật nhằm đẩy nhanh quá trình soạn thảo, ban hành luật. Nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật.

+ Nâng cao trình độ và năng lực làm luật của Quốc hội.

+ Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức nghiên cứu chuyên ngành trong hoạt động xây dựng pháp luật.

+ Hiện đại hóa phương thức và phương tiện xây dựng pháp luật.

+ Hoàn thiện pháp luật về Công báo.

3.2.4. Giải pháp về tăng cường sự tham gia của các nhà khoa học, các tổ chức xã hội và nhân dân trong việc tham gia vào quy trình xây dựng văn bản luật

+ Cần xây dựng cơ chế huy động sự tham gia tích cực của các chuyên gia, nhà khoa học vào công tác xây dựng luật, tăng cường năng lực của bộ máy giúp việc của Quốc hội trong công tác lập pháp.

+ Cần tổ chức lấy ý kiến lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân ngay từ giai đoạn soạn thảo.

+ Cần có cơ chế để các nhà hoạch định chính sách phải tiếp thu các ý kiến đóng góp của người dân, xã hội, nhất là của những đối tượng bị điều chỉnh.

+ Tiến tới xây dựng một đạo luật về phản biện xã hội (trong đó có phản biện khoa học) đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

3.2.5. Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật trong việc xây dựng văn bản luật

+ Nhà nước cần bảo đảm đủ, kịp thời nguồn lực tài chính phục vụ cho hoạt động xây dựng văn bản luật.

+ Nhà nước cần có chính sách đầu tư kinh phí thỏa đáng phục vụ cho các hoạt động xây dựng văn bản luật.

+ Cần đẩy mạnh việc ứng dụng có hiệu quả các thành tựu của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin.

3.2.6. Tăng cường hợp tác quốc tế, học hỏi kinh nghiệm của nước ngoài về quy trình xây dựng văn bản luật

+ Tăng cường sự tham gia của các cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật vào các dự án hợp tác nước ngoài về pháp luật.

+ Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, nghiên cứu khoa học pháp lý của các nước nhằm xây dựng hệ thống pháp luật có đủ khả năng thúc đẩy, định hướng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

+ Nội địa hóa một số quy định của các công ước viên và hiệp định quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết vào hệ thống pháp luật Việt Nam.

3.2.7. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện những quy định pháp luật về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

+ Trước tiên tổ chức thực hiện tốt Luật về hoạt động giám sát của Quốc hội được thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XI.

+ Thiết lập hệ thống cơ quan kiểm tra văn bản theo hướng cần sớm thành lập đơn vị chuyên trách về kiểm tra văn bản thuộc Bộ Tư pháp.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có trình độ, năng lực, được đào tạo theo từng lĩnh vực chuyên môn cụ thể.

+ Bảo đảm nguồn văn bản, thông tin kịp thời cho việc kiểm tra.

+ Bảo đảm nguồn kinh phí cho hoạt động giám sát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật nói chung và văn bản luật nói riêng.

3.2.8. Xử lý kịp thời, nghiêm minh những vi phạm pháp luật về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

+ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cần quy định và phân biệt rõ từng biện pháp xử lý với nội dung sai phạm nào thì áp dụng biện pháp hủy bỏ, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế, đình chỉ, tạm đình chỉ.

+ Cần có cơ chế phản hồi, công khai về việc xử lý văn bản quy phạm pháp luật sai trái.

+ Quy định rõ trách nhiệm của chủ thể ban hành những văn bản quy phạm pháp luật sai trái, ràng buộc họ bằng một biện pháp chế tài nhất định.

+ Tại điều khoản cuối cùng của mỗi văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành cần liệt kê chi tiết những điểm, khoản, điều, chương hay cả văn bản quy phạm pháp luật khác bị văn bản này bãi bỏ.

KẾT LUẬN

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật có chất lượng tốt cả về nội dung lẫn hình thức thể hiện và tổ chức thực hiện việc tuân thủ nghiêm chỉnh hệ thống pháp luật đó trong đời sống Nhà nước và xã hội là một trong những nhiệm vụ trung tâm, một đòi hỏi cấp thiết, một tất yếu khách quan của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa đang tiến hành ở nước ta. Vì vậy, hoạt động xây dựng và ban hành văn bản luật của Quốc hội luôn luôn được đề cao, không ngừng đổi mới nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay.

Trên thực tế, hoạt động lập pháp là hoạt động khá phức tạp, mang tính sáng tạo cao, đòi hỏi phải đầu tư nhiều thời gian, kinh phí và nhất là cán bộ phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao về soạn thảo văn bản, vì đối tượng điều chỉnh của pháp luật luôn luôn biến đổi. Nên phạm vi nhận thức được sự vận động và biến đổi đó để phản ánh nhu cầu phát triển của các quan hệ xã hội vào nội dung văn bản là hết sức khó khăn. Từ đó càng khẳng định hoạt động xây dựng và ban hành luật của Quốc hội là một trong những vấn đề quan trọng nhất cần được nghiên cứu, nhằm phục vụ công việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Luận văn này được hoàn thành trên sự kế thừa những kết quả nghiên cứu trước đây của nhiều tác giả. Bên cạnh đó, tác giả luận văn đã nghiên cứu sâu hơn từng thủ tục trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản luật; đánh giá một cách đúng đắn và toàn diện thực trạng xây dựng và ban hành văn bản luật của Quốc hội Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất những giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này. Đó chính là những điểm mới của luận văn.

Tuy nhiên, do tính phức tạp và phạm vi nghiên cứu rất sâu của chủ đề được nghiên cứu cho nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Hy vọng trong tương lai đề tài này sẽ được tiếp tục nghiên cứu, phát triển ở tầm cao hơn góp phần xây dựng luận cứ khoa học cho việc nâng cao hơn nữa hiệu quả xây dựng và ban hành văn bản luật của Quốc hội ở Việt Nam.